

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

*về hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khu vực biên giới biển

1. Xây dựng, lắp đặt trái phép các công trình, thiết bị hoặc có hành vi gây tổn hại đến sự an toàn của công trình biên giới.

2. Thải, nhấn chìm hay chôn lấp các loại chất độc hại, chất thải công nghiệp, chất thải hạt nhân hoặc các loại chất thải độc hại khác gây ô nhiễm môi trường; bắn, phóng, thả các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khỏe của con người, môi trường, an toàn xã hội.

3. Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

4. Tổ chức, chứa chấp, dẫn đường, chuyên chở người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trái phép.

5. Luyện tập, diễn tập với bất kỳ kiểu, loại vũ khí nào, dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6. Bay vào vùng cấm bay; bắn, phóng, thả các phương tiện bay có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, an toàn hàng không; hạ xuống các tàu thuyền, vật thể trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh vật, ghi hình, thu phát vô tuyến điện ở khu vực hạn chế hoạt động, vùng cấm.

8. Khai thác, trục vớt tài sản, đồ vật, cổ vật khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

9. Mua bán, trao đổi, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí, chất cháy, chất nổ, chất độc hại, ma túy, hàng hóa, vật phẩm cấm lưu hành, kim khí quý, đá quý, ngoại hối; đưa người, hàng hóa lên tàu thuyền hoặc từ tàu thuyền xuống trái phép.

10. Phương tiện đường thủy neo, trú đậu không đúng nơi quy định hoặc làm cản trở giao thông hàng hải, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới biển nếu nơi đó quy định về neo, trú đậu.

Điều 5. Biển báo trong khu vực biên giới biển

Trong khu vực biên giới biển có các loại biển báo theo quy định của pháp luật; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định mẫu biển báo trong khu vực biên giới biển và thống nhất với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ven biển vị trí cắm biển báo.

Điều 6. Người, phương tiện Việt Nam hoạt động trong khu vực biên giới biển

1. Công dân Việt Nam (trừ công dân có hộ khẩu thường trú trong khu vực biên giới biển) vào khu vực biên giới biển phải có một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh sĩ quan, Giấy chứng minh Quân đội, Giấy chứng minh Công an nhân dân (đối với cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân); nếu ở qua đêm phải đăng ký lưu trú tại Công an cấp xã sở tại.

2. Người điều khiển phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có bằng hoặc chứng chỉ Thuyền trưởng do cơ quan có thẩm quyền cấp; máy trưởng, thuyền viên phải có bằng hoặc phải có chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề, Sổ thuyền viên và Giấy chứng nhận bảo hiểm thuyền viên theo quy định pháp luật; trường hợp mang theo vũ khí phải có Giấy phép sử dụng vũ khí.

3. Người điều khiển phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có Biển số đăng ký và mang theo các loại giấy tờ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền; Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có tổng công suất dưới 20CV);

b) Giấy chứng nhận đăng kiểm tàu thuyền hoặc Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu thuyền theo quy định;

c) Danh sách thuyền viên hoặc sổ thuyền viên (đối với tàu cá), hoặc chứng chỉ thuyền viên; Giấy chứng nhận bảo hiểm thuyền viên;

d) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

đ) Giấy tờ liên quan đến hàng hóa trên tàu thuyền;

e) Giấy phép khai thác thủy sản, hải sản (đối với tàu cá có trọng tải từ 0,5 tấn trở lên);

g) Sổ nhật ký hành trình.

4. Trường hợp tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển các quốc gia, vùng lãnh thổ khác, ngoài giấy tờ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này phải có Giấy phép cho tàu cá khai thác thủy sản khai thác ở vùng biển của quốc gia vùng lãnh thổ khác do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp.

5. Ngoài các giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và các Điểm a, b, c, d, g Khoản 3 Điều này, người, phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ liên quan đến lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

6. Người, phương tiện hoạt động trong khu vực biên giới biển phải xuất trình giấy tờ và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ đội Biên phòng và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

7. Phương tiện đường bộ vào khu vực biên giới biển (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế) hoạt động vận tải, sản xuất, kinh doanh, xây dựng, khai thác khoáng sản, tài nguyên, môi trường từ 10 (mười) ngày trở lên, cơ quan, tổ chức,

cá nhân quản lý, sử dụng hoặc chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải thông báo bằng văn bản cho đồn Biên phòng sở tại về số lượng người, phương tiện, biển kiểm soát, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động.

8. Phương tiện hàng không khi tiến hành hoạt động hàng không dân dụng, kinh tế, thương mại, du lịch, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên, môi trường trong khu vực biên giới biển phải thực hiện theo các quy định pháp luật hàng không Việt Nam, quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý, bảo vệ vùng trời quốc gia.

Điều 7. Người nước ngoài đến, hoạt động hoặc làm việc, học tập trong khu vực biên giới biển

1. Người nước ngoài thường trú, tạm trú ở Việt Nam khi đến khu vực biên giới biển hoặc đến các đảo, quần đảo (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế) phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu hợp lệ và có thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trừ trường hợp được miễn thị thực), giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam và giấy phép vào khu vực biên giới biển của Công an cấp tỉnh nơi người đó thường trú, tạm trú hoặc Công an cấp tỉnh nơi đến cấp; trường hợp ở qua đêm phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở lưu trú để đăng ký lưu trú tại Công an cấp xã sở tại.

2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới biển phải có giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết trước ít nhất 24 giờ; trường hợp người nước ngoài đi trong đoàn đại biểu, đoàn cấp cao vào khu vực biên giới biển, cơ quan, tổ chức của Việt Nam (cơ quan, tổ chức mời hoặc làm việc với đoàn) phải thông báo bằng văn bản cho Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết trước ít nhất 12 giờ.

3. Người nước ngoài làm việc, học tập, hoạt động đầu tư, kinh doanh tại khu kinh tế nằm trong khu vực biên giới biển hoặc có một phần địa giới thuộc khu vực biên giới biển và các thành viên gia đình họ được cư trú, tạm trú có thời hạn trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật về lao động, nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

4. Người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế trong khu vực biên giới biển hoặc có một phần địa giới thuộc khu vực biên giới biển, doanh nghiệp sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bắt đầu làm việc phải thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an cấp xã, đồn Biên phòng sở tại về họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày bắt đầu, ngày kết thúc làm việc, nội dung công việc, nơi làm việc, tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức người nước ngoài làm việc.

Điều 8. Tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển

1. Tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ (bản chính) sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ mà tàu thuyền đó mang cờ quốc tịch cấp;

b) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu thuyền (đối với tàu cá phải có Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật do cơ quan đăng kiểm của quốc gia, vùng lãnh thổ mà tàu thuyền đó mang cờ quốc tịch hoặc cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp);

c) Danh sách thuyền viên, danh sách hành khách hoặc số thuyền viên, nhân viên phục vụ, hành khách trên tàu; Hộ chiếu của thuyền viên, nhân viên phục vụ và hành khách đi trên tàu thuyền;

d) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện theo quy định pháp luật;

đ) Giấy phép hoạt động thủy sản do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp (đối với tàu cá);

e) Giấy tờ về hàng hóa, vận chuyển hàng hóa trên tàu thuyền và giấy tờ khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định.

2. Tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải treo cờ quốc tịch, treo quốc kỳ của Việt Nam ở đỉnh cột tàu cao nhất.

3. Tàu thuyền nước ngoài neo, trú đậu ở cảng, bến đậu phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam, chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

4. Tàu thuyền nước ngoài đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Tàu thuyền nước ngoài chạy bằng năng lượng hạt nhân, chuyên chở chất phóng xạ, chất độc hại, nguy hiểm khi đi trong lãnh hải Việt Nam có nghĩa vụ sau đây:

a) Phải có tài liệu kỹ thuật liên quan tới tàu thuyền và hàng hóa trên tàu, tài liệu về bảo hiểm dân sự bắt buộc;

b) Sẵn sàng cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật của tàu thuyền cũng như của hàng hóa trên tàu thuyền;

c) Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên áp dụng đối với các loại tàu thuyền này;

d) Tuân thủ quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc áp dụng biện pháp phòng ngừa đặc biệt, kể cả cấm không được đi qua lãnh hải Việt Nam hoặc buộc phải rời khỏi lãnh hải Việt Nam trong trường hợp làm ô nhiễm môi trường biển.

6. Trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hoặc vì lý do khách quan cần sự cứu giúp (gọi tắt là bị nạn) buộc tàu thuyền phải dừng lại, neo đậu trong lãnh hải

hoặc trú đậu tại các cảng biển, bến đậu thì thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu thuyền phải phát tín hiệu cấp cứu và khi điều kiện cho phép phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan Cứu hộ và Cứu nạn quốc gia, Bộ đội Biên phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã ven biển nơi gần nhất hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với tàu cá) hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam nơi gần nhất. Các cơ quan này sau khi nhận được thông báo phải tổ chức cứu nạn hoặc thông báo ngay cho cơ quan có trách nhiệm để tổ chức cứu nạn.

Điều 9. Hoạt động diễn tập quân sự, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, diễn tập an ninh hàng hải, tổ chức bắn đạn thật hoặc sử dụng vật liệu nổ trong khu vực biên giới biển

Diễn tập quân sự; diễn tập tìm kiếm, cứu nạn; an ninh hàng hải; tổ chức bắn đạn thật hoặc sử dụng vật liệu nổ trong khu vực biên giới biển thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cho đối tượng liên quan biết, đồng thời khi tiến hành phải thông báo bằng văn bản trước 10 ngày làm việc cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển, Cục Hàng hải Việt Nam, Hải đoàn Biên phòng (nếu các hoạt động trên diễn ra ở các vùng biển).

(Trích Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).